



Số: **007867** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 06514.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CREAMER ĐẶC CÓ ĐƯỜNG - NGÔI SAO PHƯƠNG NAM (XANH BIỂN)
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 lon x 380 g
Ngày nhận mẫu : 20/04/2020
Người gửi mẫu : Hoàng Minh Tuấn
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	HD.PP.18.01/TT.VS (TCVN 5518-2:2007) (b) (d)	< 10 CFU /g	20/04/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

29-04-2020

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 840/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Creamer đặc có đường - Ngôi sao phương nam (xanh biển)
(T-SĐCĐ-2)
2. Mã số mẫu: 0120154/DV.2
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 3
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01
6. Ngày nhận mẫu: 08/01/2020
7. Thời gian thử nghiệm: 08/01/2020 - 16/01/2020
8. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>L. monocytogenes</i>	CFU/g	ISO 11290-2:2017	KPH (LOD: 10 CFU/g)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2020

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



PHỤ TRÁCH KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo



Số: 841/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Creamer đặc có đường - Ngôi sao phương nam (xanh biển) (T-SĐCĐ-2)
2. Mã số mẫu: 0120154/DV.2
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 3
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01
6. Ngày nhận mẫu: 08/01/2020
7. Thời gian thử nghiệm: 08/01/2020 - 16/01/2020
8. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh
9. Kết quả thử nghiệm: Kim loại nặng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,006 mg/kg)
9.2*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.3*	Hàm lượng Chì	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.4*	Hàm lượng Stibi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,002 mg/kg)
9.5*	Hàm lượng Thiếc	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,010 mg/kg)
9.6*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2020

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



PHỤ TRÁCH KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo



Số: 852/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Creamer đặc có đường - Ngôi sao phương nam (xanh biển)
(T-SĐCĐ-2)
2. Mã số mẫu: 0120154/DV.2
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 3
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01
6. Ngày nhận mẫu: 08/01/2020
7. Thời gian thử nghiệm: 08/01/2020 - 16/01/2020
8. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh
9. Kết quả thử nghiệm: Độc tố vi nấm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2020

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



PHỤ TRÁCH KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo



Số: 842/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Creamer đặc có đường - Ngôi sao phương nam (xanh biển)
(T-SĐCĐ-2)
2. Mã số mẫu: 0120154/DV.2
3. Mô tả mẫu: Nguyên hộp - Số lượng: 3
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01
6. Ngày nhận mẫu: 08/01/2020
7. Thời gian thử nghiệm: 08/01/2020 - 16/01/2020
8. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh
9. Kết quả thử nghiệm: Melamin

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Melamin	mg/kg	NIFC.04.M.058 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,15 mg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2020

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



PHỤ TRÁCH KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TS. Lê Thị Phương Thảo



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample Code BN20030008 MM20030020	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày/Date : 04/04/2020
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**
Địa chỉ/ Address : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM**
Tên mẫu/ Name of sample : **CREAMER ĐẶC CÓ ĐƯỜNG - NGÔI SAO PHƯƠNG NAM (XANH BIỂN)**
Số lượng/ Quantity : **1**
Tình trạng mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong hộp giấy**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **19/03/2020**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **30/03/2020**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Benzyl penicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 2	CASE.SK.0010 (LC/MS/MS)(*)
2	Ceftiofur	µg/kg	Không phát hiện MDL = 5	CASE.SK.0010
3	Chlortetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS) (*)
4	Clenbuterol	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	CASE.SK.0078
5	Cyfluthrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
6	Cyhalothrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[V] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
[T] 18001105
[M] (84.28) 3911 7216
[E] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[V] F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[T] (84.292) 3918216 - 217 - 218
[M] (84.292) 3918219
[E] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[V] STH2738, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[T] (84.258) 246 5255
[M] (84.258) 246 5355
[E] vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
7	Cypermethrin và Alpha-Cypermethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
8	Deltamethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
9	Diminazene	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0102 (*)
10	Doramectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 3	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
11	Eprinomectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 3	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
12	Febantel	µg/kg	Không phát hiện MDL = 3	CASE.SK.0123 (*)
13	Fenbendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 3	CASE.SK.0123 (*)
14	Imidocarb	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS)
15	Isometamidium	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0102 (*)
16	Ivermectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 3	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
17	Lincomycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0029 (LCMS/MS)
18	Oxfendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 3	CASE.SK.0123 (*)
19	Oxytetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS) (*)
20	Pirlimycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 3	CASE.SK.0138 (LC/MS/MS)
21	Procaine benzylpenicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 2	CASE.SK.0010 (LC/MS/MS)(*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

[📍] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

[☎] 18001105

[📞] (84.28) 3911 7216

[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[📍] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

[☎] (84.292) 3918216 - 217 - 218

[📞] (84.292) 3918219

[✉] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[📍] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

[☎] (84.258) 246 5255

[📞] (84.258) 246 5355

[✉] vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
22	Spiramycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0029 (*)
23	Sulfadimidine	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0006 (LC/MS/MS)
24	Tetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS) (*)
25	Thiabendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 3	CASE.SK.0123 (*)
26	Trichlorfon (Metrifonat)/ Dipterex	µg/kg	Không phát hiện MDL = 3	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
27	Dihydrostreptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 13	CASE.NC.0032 (Elisa)
28	Gentamycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 40	CASE.NC.0056 (Elisa)
29	Neomycine	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 30	CASE.NC.0081
30	Spectinomycine	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 10	USDA-FSIS method CLG AMG4.02 (2015) (**)
31	Streptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 13	CASE.NC.0032 (Elisa)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



T.S. Nguyễn Quốc Hùng

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Trương Huỳnh Anh Vũ

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(9) 18001105

(9) (84.28) 3911 7216

(9) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(9) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(9) (84.292) 3918219

(9) support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) STH2738, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(9) (84.258) 246 5255

(9) (84.258) 246 5355

(9) vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCerts
147

Mã số mẫu/ Sample Code BN20030008 MM20030020	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày/Date : 04/04/2020
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**
Địa chỉ/ Address : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM**
Tên mẫu/ Name of sample : **CREAMER ĐẶC CÓ ĐƯỜNG - NGÔI SAO PHƯƠNG NAM (XANH BIỂN)**
Số lượng/ Quantity : **1**
Tình trạng mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong hộp giấy**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **19/03/2020**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **30/03/2020**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	2,4 - D	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0122 (*)
2	Abamectin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
3	Acephate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
4	Aldicarb	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
5	Aldrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
6	Aminopyralid	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0102

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
19/02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
19/ F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218
☎ (84.292) 3918219
✉ support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
19/ STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255
☎ (84.258) 246 5355
✉ vanphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
7	Amitraz	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
8	Bentazone	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0122 (*)
9	Bifenazate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
10	Bifenthrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
11	Bitertanol	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
12	Carbaryl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
13	Carbendazim	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
14	Carbofuran	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
15	Carbosulfan	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
16	Chlordane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
17	Chlormequat	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0102 (*)
18	Chlorpropham	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,0005	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
19	Chlorpyrifos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
20	Chlorpyrifos-methyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
21	Clethodim	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

[📍] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

[☎] 18001105

[📞] (84.28) 3911 7216

[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[📍] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

[☎] (84.292) 3918216 - 217 - 218

[📞] (84.292) 3918219

[✉] support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[📍] STH278, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

[☎] (84.258) 246 5255

[📞] (84.258) 246 5355

[✉] vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
22	Clofentezine	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
23	Cyhexatin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0145
24	Cypermethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
25	Cyprodinil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,0004	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
26	Cyromazine	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
27	DDT	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
28	Diazinon	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
29	Dichlorvos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
30	Dicofol	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
31	Dieldrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
32	Difenoconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
33	Diflubenzuron	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
34	Dimethenamid-p	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
35	Dimethipin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
36	Dimethoate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[9] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[9] STH2718, Đường 8E, KDT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
37	Dimethomorph	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
38	Diphenylamine	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
39	Diquat	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0102 (*)
40	Disulfoton	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
41	Endosulfan	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
42	Ethephon	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,05	TCVN 8668:2011
43	Ethoprosfos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
44	Famoxadon	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
45	Fenamiphos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
46	Fenbuconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
47	Fenbutatin oxide	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0145
48	Fenhexamid	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
49	Fenpropathrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
50	Fenpropimorph	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
51	Fenpyroximate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)



1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 18001105
 (84.28) 3911 7216
 casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (84.292) 3918216 - 217 - 218
 (84.292) 3918219
 support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 (84.258) 246 5255
 (84.258) 246 5355
 vanphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
52	Fenvalerat	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
53	Fipronil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
54	Fludioxonil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
55	Flumethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
56	Flusilazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
57	Flutolanil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
58	Gluphosinate- ammonium	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,02	CASE.SK.0135_GC- MS/MS
59	Heptachlor	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
60	Imidacloprid	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
61	Indoxacarb	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
62	Kresoxim-methyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
63	Lindane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
64	Methamidophos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
65	Methidathion	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,001	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
66	Methomyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

(V) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM

(T) 18001105

(M) (84.28) 3911 7216

(E) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(V) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(T) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(M) (84.292) 3918219

(E) support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(V) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(T) (84.258) 246 5255

(M) (84.258) 246 5355

(E) vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
67	Methoprene	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
68	Methoxyfenozide	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
69	Myelobutanil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
70	Novaluron	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
71	Oxamyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
72	Oxydemeton-methyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
73	Paraquat	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,005	CASE.SK.0102 (*)
74	Penconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
75	Permethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
76	Phorate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
77	Piperonyl butoxide	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
78	Pirimicarb	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
79	Pirimiphos - methyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
80	Prochloraz	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
81	Profenofos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM
 18001105
 (84.28) 3911 7216
 casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (84.292) 3918216 - 217 - 218
 (84.292) 3918219
 support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 (84.258) 246 5255
 (84.258) 246 5355
 vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
82	Propamocarb	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
83	Propargite	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
84	Propiconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
85	Pyraclostrobin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
86	Pyrimethanil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
87	Quinoxifen	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
88	Spinosad	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
89	Tebuconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
90	Tebufenozide	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
91	Terbufos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
92	Thiacloprid	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
93	Triadimefon	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
94	Triadimenol	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
95	Trifloxystrobin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
96	Vinclozolin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(84.28) 3911 7216

(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84.292) 3918216 - 217 - 218

(84.292) 3918219

support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(84.258) 246 5255

(84.258) 246 5355

vanphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
97	Dithiocarbamate	mg/kg	Không phát hiện. MDL = 0,05	QTTN/KT3 059 : 2018 (GC/MS) (**)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



T.S. Nguyễn Quốc Hùng

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Trương Huỳnh Anh Vũ

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(☎) 18001105

(☎) (84.28) 3911 7216

(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(☎) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC S86, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(☎) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(☎) (84.292) 3918219

(✉) support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(☎) STH-2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(☎) (84.258) 246 5255

(☎) (84.258) 246 5355

(✉) vanphongmienntrung@case.vn